

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ
về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Cần Thơ tại Tờ trình số 74/TTr-VPĐPNTM ngày 08 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Bộ tiêu chí là căn cứ để xây dựng nội dung Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ban ngành thành phố, địa phương

1. Các Sở, ban ngành thành phố theo chức năng quản lý nhà nước hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; chịu trách nhiệm cập nhật các hướng dẫn mới của các Bộ, ngành Trung ương để hướng dẫn triển khai phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

2. Giao Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Cần Thơ

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới sau đạt chuẩn trên địa bàn để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững.

- Tổng hợp, tham mưu trình UBND thành phố ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Trong quá trình triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nêu trên, nếu có vấn đề mới phát sinh, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Cần Thơ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành thành phố, địa phương có liên quan kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu trình UBND thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí nêu trên, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Ủy ban nhân dân huyện căn cứ Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 chỉ đạo các xã rà soát, đánh giá thực trạng và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4158/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, ban ngành thành phố, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố giai đoạn 2021 - 2025, Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch UBND xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố (1);
- UBMT Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- VP. UBND thành phố (2C,3B);
- Lưu: VT.HN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hè



**BỘ TIÊU CHÍ TP. CẦN THƠ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3429 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022)

I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ¹ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 90%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (80% cứng hóa)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (nếu có)

¹ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ²	Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em, người cao tuổi và đảm bảo đủ điều kiện có hoạt động chống đuối nước cho trẻ em
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt

² Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 70\%$ (theo quy định)

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥ 50
			Năm 2022	≥ 53
			Năm 2023	≥ 56
			Năm 2024	≥ 59
			Năm 2025	≥ 62
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	$< 4\%$	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$	
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1 Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 80\%$
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Đạt (tỷ lệ chỉ tiêu được giao hàng năm)
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 19\%$
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
16	Văn hóa	Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	100%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (<i>Xã không thuộc khu vực III và Xã khu vực III</i>).	≥ 87%
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥ 95%
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥ 2m ² / người
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt (theo Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 85%
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ³	≥ 70%
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 70%

³ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 30%
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 50%

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ


TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt

		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt

PHỤ LỤC

Phân công các Sở, ban ngành thành phố phụ trách triển khai, hướng dẫn, đánh giá thực hiện từng tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3429 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022)



Stt	Sở ngành phụ trách	Tiêu chí và chỉ tiêu
1	Sở Xây dựng	- Tiêu chí số 1 và tiêu chí số 9; - Chỉ tiêu 17.5.
2	Sở Giao thông vận tải	- Tiêu chí số 2.
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Tiêu chí số 3; - Chỉ tiêu 13.2; 13.3; 13.4; 13.5; 17.1; 17.4; 17.9; 17.10 và 18.6.
4	Sở Công Thương	- Tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7.
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Tiêu chí số 5 và tiêu chí số 14.
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Tiêu chí số 6 và tiêu chí số 16.
7	Sở Thông tin và Truyền thông	- Tiêu chí số 8.
8	Cục Thống kê thành phố	- Tiêu chí số 10.
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Tiêu chí số 11 và tiêu chí số 12; - Chỉ tiêu 18.5.
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Chỉ tiêu 13.1.
11	Bảo Hiểm xã hội thành phố	- Chỉ tiêu 15.1.
12	Sở Y tế	- Chỉ tiêu 15.2, 15.3 và 15.4.
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Chỉ tiêu 17.2; 17.3; 17.6; 17.7; 17.11 và 17.12.
14	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	- Chỉ tiêu 17.8.
15	Sở Nội vụ	- Chỉ tiêu 18.1; 18.2 và 18.3.
16	Sở Tư pháp	- Chỉ tiêu 18.4.
17	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	- Chỉ tiêu 19.1.
18	Công an thành phố	- Chỉ tiêu 19.2.